

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỦY ĐIỆN NẬM MU**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 33
8. Phụ lục 1: Báo cáo kết quả kinh doanh các nhà máy cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	34

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần Sông Đà 9) thuộc Tổng công ty Sông Đà, được thành lập từ tháng 1 năm 2002. Tháng 12 năm 2002, Ban quản lý chuyển thành Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 09 tháng 3 năm 2016.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
- Điện thoại : (0219) 3827 276
- Fax : (0219) 3827 523

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:**

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Nhận thầu xây lắp các công trình: Xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện; Xây dựng các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý đất nền yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- Xây dựng, sản xuất, và kinh doanh điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống;
- Lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Trang chí nội thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng; Đầu tư tài chính (dùng vốn của công ty để đầu tư vào các dự án); Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng;
- Kinh doanh khách sạn du lịch./.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Hà Ngọc Phiêm (*)	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Ông Đỗ Văn Hà (*)	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hải Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Thọ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018

(\*) Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua đơn từ nhiệm chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Hà Ngọc Phiêm kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2019. Ông Đỗ Văn Hà được Hội đồng quản trị thống nhất đề cử là người phụ trách Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01 tháng 3 năm 2019 đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm</u>
Ông Trần Thanh Hà (**)	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2018
Bà Nguyễn Thanh Lệ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 2 năm 2018
Ông Vương Quốc Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Len	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Hứa Thúy Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018

(\*\*) Ông Trần Thanh Hà đã có đơn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát vào ngày 04 tháng 01 năm 2019.

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Trọng Cảnh	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Hà - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, *Đỗ Văn Hà*

Giám đốc



Đỗ Văn Hà

Ngày 14 tháng 3 năm 2019



Số: 2.0167/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được Kiểm toán nhà nước Chuyên ngành V kiểm toán. Căn cứ kết luận kiểm toán ngày 26 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính 2018 (xem thuyết minh VII.3)

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1*

**Trần Thanh Thảo – Kiểm toán viên**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0932-2017-008-1*

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.135.964.180</b>	<b>35.449.696.498</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.595.943.151</b>	<b>16.542.275.238</b>
1. Tiền	111		1.595.943.151	1.174.275.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.368.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.364.683.490</b>	<b>15.898.563.753</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.073.546.704	14.496.406.871
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	128.784.650	1.115.669.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.162.352.136	286.487.582
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>35.935.454</b>	<b>1.709.818.187</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	35.935.454	1.709.818.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.139.402.085</b>	<b>1.299.039.320</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.269.513.945	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	147.947.567
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	869.888.140	1.151.091.753
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>398.051.574.092</b>	<b>431.697.619.473</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>369.459.836.533</b>	<b>403.372.929.416</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	369.459.836.533	403.372.929.416
<i>Nguyên giá</i>	222		710.023.826.311	709.493.826.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(340.563.989.778)	(306.120.896.895)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>24.008.009.370</b>	<b>24.797.309.376</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.600.000.000	30.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.591.990.630)	(5.802.690.624)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.583.728.189</b>	<b>3.527.380.681</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	4.583.728.189	3.527.380.681
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>425.187.538.272</b>	<b>467.147.315.971</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>129.813.107.121</b>	<b>177.781.773.718</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.580.969.430</b>	<b>63.930.453.027</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	7.170.655.472	806.718.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.104.942.203	4.324.771.782
4. Phải trả người lao động	314		5.097.291.000	4.737.350.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	462.914.227	607.854.110
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.271.563.562	2.930.065.997
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	45.383.116.000	50.094.353.917
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.090.486.966	429.338.819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>65.232.137.691</b>	<b>113.851.320.691</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	65.232.137.691	113.851.320.691
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>295.374.431.151</b>	<b>289.365.542.253</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>295.374.431.151</b>	<b>289.365.542.253</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.808.852.500	32.135.208.453
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.002.679.985	47.667.435.134
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.620.317.040	47.667.435.134
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.382.362.945	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		32.678.666	32.678.666
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>425.187.538.272</b>	<b>467.147.315.971</b>

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Ngọc Anh

Nguyễn Thanh Lệ

Đỗ Văn Hà

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	172.866.435.585	166.703.670.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.866.435.585	166.703.670.859
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.774.405.963	98.130.978.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.092.029.622	68.572.692.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	846.959.493	2.941.119.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.867.092.503	19.218.658.583
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.076.585.830	19.032.226.266
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.667.187.531	7.908.433.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.404.709.081	44.386.719.588
11. Thu nhập khác	31	VI.6	201.016.407	49.611.508
12. Chi phí khác	32	VI.7	61.805.013	1.720.148.676
13. Lợi nhuận khác	40		139.211.394	(1.670.537.168)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.543.920.475	42.716.182.420
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		5.161.557.530	4.805.044.051
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>45.382.362.945</u>	<u>37.911.138.369</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Ngọc Anh

Nguyễn Thanh Lê

Đỗ Văn Hà



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.543.920.475	42.716.182.420
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	34.443.092.883	38.752.595.294
- Các khoản dự phòng	03	V.2	789.300.006	177.607.154
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(8.212)	5.263
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(452.463.515)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.076.585.830	19.032.226.266
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.852.890.982	100.226.152.882
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.036.968.557)	(1.399.532.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.673.882.733	(558.799.687)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.054.415.186	2.321.684.606
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.325.861.453)	(2.264.210.179)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.261.525.713)	(19.245.000.061)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(7.369.084.415)	(2.442.640.129)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(3.012.495.900)	(1.145.233.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>74.575.252.863</b>	<b>75.492.421.507</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(530.000.000)	(2.818.890.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VI.3	-	4.115.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(530.000.000)</b>	<b>1.296.109.091</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(53.330.420.917)	(43.833.770.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.661.172.245)	(23.065.545.565)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(88.991.593.162)</b>	<b>(66.899.315.565)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(14.946.340.299)</b>	<b>9.889.215.033</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>16.542.275.238</b>	<b>6.653.065.468</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	8.212	(5.263)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.595.943.151</b>	<b>16.542.275.238</b>

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đỗ Văn Hà

Trần Ngọc Anh

Nguyễn Thanh Lệ



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và bán buôn điện thương phẩm.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 141 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 141 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí sửa chữa lớn. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản*

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

### 13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	211.188.501	170.403.251
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.384.754.650	1.003.871.987
Các khoản tương đương tiền		15.368.000.000
<i>Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		<i>15.368.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.595.943.151</u></b>	<b><u>16.542.275.238</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	30.600.000.000	30.600.000.000
Dự phòng	(6.591.990.630)	(5.802.690.624)
<b>Cộng</b>	<b><u>24.008.009.370</u></b>	<b><u>24.797.309.376</u></b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800561 thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có vốn điều lệ là 40.318.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô 30.600.000.000 VND, tương đương 75,9% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 30.600.000.000 VND, tương đương 75,9% vốn điều lệ (không thay đổi so với năm trước)

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Tình hình hoạt động của Công ty con*

Trong năm, Công ty con chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa bất động sản.

#### *Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con*

Tình hình biến động dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.802.690.624)	(5.625.083.470)
Trích lập dự phòng bổ sung	(789.300.006)	(177.607.154)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(6.591.990.630)</u></b>	<b><u>(5.802.690.624)</u></b>

#### *Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	332.558.111	428.027.437

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Nam Anh	128.784.650		258.069.300	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên Việt			787.600.000	
Các nhà cung cấp khác			70.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>128.784.650</b>		<b>1.115.669.300</b>	

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>11.561.000</i>			
Ông Bùi Trọng Cẩn - tiền tạm ứng	9.546.000			
Ông Phùng Xuân Hưng - tiền tạm ứng	2.015.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.150.791.136</i>		<i>286.487.582</i>	
Tạm ứng	94.535.026		151.623.348	
Ký cược, ký quỹ	1.557.374.400			
Thuế GTGT chưa kê khai	411.517.511			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	87.364.199		134.864.234	
<b>Cộng</b>	<b>2.162.352.136</b>		<b>286.487.582</b>	

**6. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.235.454		1.709.818.187	
Công cụ, dụng cụ	700.000			
<b>Cộng</b>	<b>35.935.454</b>		<b>1.709.818.187</b>	

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa TSCĐ còn phải phân bổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	522.774.591.836	183.527.016.968	3.134.672.052	57.545.455	709.493.826.311
Mua trong năm		530.000.000			530.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>522.774.591.836</b>	<b>184.057.016.968</b>	<b>3.134.672.052</b>	<b>57.545.455</b>	<b>710.023.826.311</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		48.217.498.163	1.814.781.143	57.545.455	50.089.824.761
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	197.935.467.816	106.258.107.025	1.869.776.599	57.545.455	306.120.896.895
Khấu hao trong năm	20.323.447.572	13.954.658.943	164.986.368		34.443.092.883
<b>Số cuối năm</b>	<b>218.258.915.388</b>	<b>120.212.765.968</b>	<b>2.034.762.967</b>	<b>57.545.455</b>	<b>340.563.989.778</b>

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	324.839.124.020	77.268.909.943	1.264.895.453		403.372.929.416
<b>Số cuối năm</b>	<b>304.515.676.448</b>	<b>63.844.251.000</b>	<b>1.099.909.085</b>		<b>369.459.836.533</b>

#### Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 367.815.588.317 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

#### 9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Yuxiang Hồ Nam	1.553.511.600	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng IBS Việt Nam	1.749.493.614	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Trường An	917.781.010	
Công ty Cổ phần Nghị Thắng	911.900.000	
Công ty TNHH thép Đại Toàn Phát	852.500.000	
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Cơ khí QTH	836.000.000	
Các nhà cung cấp khác	349.469.248	806.718.402
<b>Cộng</b>	<b>7.170.655.472</b>	<b>806.718.402</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.151.091.753	14.164.750.292	(13.187.364.492)	267.309.873	441.015.826
<i>Chi cục thuế Bắc Quang</i>			8.392.719.472	(8.125.409.599)	267.309.873	
<i>Chi cục thuế Vị Xuyên</i>		1.151.091.753	5.772.030.820	(5.061.954.893)		441.015.826
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			897.286.600	(897.286.600)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.296.773.240		5.161.557.530	(7.369.084.415)	1.089.246.355	
Thuế thu nhập cá nhân	33.926.343		481.974.487	(460.120.512)	55.780.318	
Thuế tài nguyên	449.195.542		14.107.251.409	(14.985.319.265)		428.872.314
Thuế nhà đất			397.898	(397.898)		
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	544.876.657		1.605.357.000	(1.457.628.000)	692.605.657	
Thuế môn bài			3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			32.665.458	(32.665.458)		
<b>Cộng</b>	<b>4.324.771.782</b>	<b>1.151.091.753</b>	<b>36.454.240.674</b>	<b>(38.392.866.640)</b>	<b>2.104.942.203</b>	<b>869.888.140</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

#### *Nhà máy Thủy điện Nậm Mu*

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm Mu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2004 đến năm 2018), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016).

#### *Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần*

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 10211000002 ngày 27 tháng 02 năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần với thuế suất 20%, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập dự án (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

#### *Nhà máy Thủy điện Nậm An*

Nhà máy Thủy điện Nậm An là Dự án đầu tư mở rộng, không được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập từ các hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm An phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### *Các hoạt động khác*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.543.920.475	42.716.182.420
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	753.355.202	2.704.660.890
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.361.209.312	4.080.886.735
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(607.854.110)</u>	<u>(1.376.225.845)</u>
Thu nhập chịu thuế	51.297.275.677	45.420.843.310
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>51.297.275.677</u>	<u>45.420.843.310</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>10.259.455.135</b>	<b>9.084.168.662</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(3.574.761.813)</b>	<b>(3.525.449.319)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b><u>(1.554.965.754)</u></b>	<b><u>(805.135.012)</u></b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.129.727.568</b>	<b>4.753.584.331</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</b>	<b>31.829.962</b>	<b>51.459.720</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>5.161.557.530</u></b>	<b><u>4.805.044.051</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế tài nguyên*

Theo Quyết định 6228/EVN-TCKT ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là 1720,65VND/1kWh và thuế suất là 5%, áp dụng từ kỳ khai thuế tháng 12 năm 2017.

### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước*

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	422.914.227	607.854.110
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	40.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>462.914.227</u></b>	<b><u>607.854.110</u></b>

## 12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>1.316.522.824</i></b>	<b><i>1.646.632.713</i></b>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	1.117.954.957	1.451.064.846
Tổng công ty Sông Đà	135.567.867	135.567.867
Thù lao HĐQT, BKS	63.000.000	60.000.000
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b><i>1.955.040.738</i></b>	<b><i>1.283.433.284</i></b>
Kinh phí công đoàn		38.540.410
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	354.017.000	
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	192.872.450	154.214.695
Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	1.317.534.984	835.939.296
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	90.616.304	254.738.883
<b>Cộng</b>	<b><u>3.271.563.562</u></b>	<b><u>2.930.065.997</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Vay ngắn hạn/dài hạn

#### 13a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay các bên liên quan</i>		4.816.813.917
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô <sup>(i)</sup>		4.816.813.917
<i>Vay ngân hàng</i>	45.383.116.000	45.277.540.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	45.383.116.000	45.277.540.000
<b>Cộng</b>	<b><u>45.383.116.000</u></b>	<b><u>50.094.353.917</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô theo Hợp đồng vay vốn số 01.NM.TD/14/NT ngày 01/01/2014 và phụ lục 05 ngày 01/01/2018, thời hạn vay 12 tháng với lãi suất 7%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	4.816.813.917		(4.816.813.917)	
Vay dài hạn đến hạn trả	45.277.540.000	45.383.116.000	(45.277.540.000)	45.383.116.000
<b>Cộng</b>	<b><u>50.094.353.917</u></b>	<b><u>45.383.116.000</u></b>	<b><u>(50.094.353.917)</u></b>	<b><u>45.383.116.000</u></b>

#### 13b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(i)</sup>	41.932.469.000	71.782.469.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt <sup>(ii)</sup>	23.299.668.691	42.068.851.691
<b>Cộng</b>	<b><u>65.232.137.691</u></b>	<b><u>113.851.320.691</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 để Tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần, thời hạn vay 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, nhà máy thủy điện Nậm Ngần và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011 để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm An, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay và thay đổi lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Thủy điện Nậm An (xem thuyết minh số V.8).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	45.383.116.000	45.277.540.000
Trên 1 năm đến 5 năm	65.232.137.691	113.851.320.691
<b>Cộng</b>	<b>110.615.253.691</b>	<b>159.128.860.691</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</u>	<u>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	71.782.469.000	42.068.851.691	113.851.320.691
Số tiền vay đã trả trong năm		(3.236.067.000)	(3.236.067.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(29.850.000.000)	(15.533.116.000)	(45.383.116.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>41.932.469.000</b>	<b>23.299.668.691</b>	<b>65.232.137.691</b>

### 13c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	408.626.511	2.755.233.035	(2.471.800.000)	692.059.546
Quỹ phúc lợi	20.712.308	918.411.012	(540.695.900)	398.427.420
<b>Cộng</b>	<b>429.338.819</b>	<b>3.673.644.047</b>	<b>(3.012.495.900)</b>	<b>1.090.486.966</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### 15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số đầu năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	33.819.346.431	32.678.666	275.517.453.550
Lợi nhuận trong năm trước				37.911.138.369		37.911.138.369
Trích lập các quỹ				(963.159.666)		(963.159.666)
Chia cổ tức				(23.099.890.000)		(23.099.890.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>32.135.208.453</b>	<b>47.667.435.134</b>	<b>32.678.666</b>	<b>289.365.542.253</b>
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	47.667.435.134	32.678.666	289.365.542.253
Lợi nhuận trong năm nay				45.382.362.945		45.382.362.945
Trích lập các quỹ			3.673.644.047	(7.347.288.094)		(3.673.644.047)
Chia cổ tức				(35.699.830.000)		(35.699.830.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>35.808.852.500</b>	<b>50.002.679.985</b>	<b>32.678.666</b>	<b>295.374.431.151</b>

#### 15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	600.000	600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	51.189.000.000	34.096.000.000
Công ty TNHH Dalat Safari	20.500.000.000	
Các cổ đông khác	31.209.400.000	68.802.400.000
<b>Cộng</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>209.999.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.999.900	20.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 15d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01NQ/NQĐHĐCĐ/18 ngày 26 tháng 4 năm 2018 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 35.699.830.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.673.644.047
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 3.673.644.047

#### 16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	39,04	39,84
Euro (EUR)	27,17	44,77





# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thành phẩm	172.866.435.585	166.451.670.859
Doanh thu cung cấp dịch vụ		252.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>172.866.435.585</u></b>	<b><u>166.703.670.859</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

#### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thành phẩm đã bán.

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	845.554.202	826.010.424
Lãi thanh lý các khoản đầu tư		2.115.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.397.079	108.764
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.212	
<b>Cộng</b>	<b><u>846.959.493</u></b>	<b><u>2.941.119.188</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14.076.585.830	19.032.226.266
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.206.667	2.647.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.263
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	789.300.006	177.607.154
Chi phí tài chính khác		6.172.500
<b>Cộng</b>	<b><u>14.867.092.503</u></b>	<b><u>19.218.658.583</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.990.321.217	4.824.241.853
Chi phí vật liệu quản lý	608.507.262	608.656.113
Chi phí đồ dùng văn phòng	137.022.000	137.781.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.986.368	112.538.046
Thuế, phí và lệ phí	30.310.938	3.397.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	559.438.290	388.900.566
Các chi phí khác	2.176.601.456	1.832.916.875
<b>Cộng</b>	<b><u>8.667.187.531</u></b>	<b><u>7.908.433.313</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán điện cho nhân viên	40.490.407	49.611.508
Thu nhập từ bán phế liệu	160.516.000	
Thu nhập khác	10.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>201.016.407</u></b>	<b><u>49.611.508</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dự án Thủy điện Sông Chảy		1.662.536.485
Khấu hao các TSCĐ không sử dụng	22.662.504	22.662.504
Tiền thuế chậm nộp	32.665.458	29.584.446
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	539	4.366.819
Chi phí khác	6.476.512	18.000
<b>Cộng</b>	<b><u>61.805.013</u></b>	<b><u>1.720.148.676</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.751.822.989	5.564.307.572
Chi phí nhân công	19.621.681.806	19.008.965.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.420.430.379	38.729.932.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.638.963.713	26.023.381.837
Chi phí khác	16.008.694.607	16.712.824.270
<b>Cộng</b>	<b><u>108.441.593.494</u></b>	<b><u>106.039.411.876</u></b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt:



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Bùi Trọng Căn – Phó giám đốc Công ty</i></b>		
Tạm ứng	128.000.000	
Hoàn ứng	118.454.000	
<b><i>Phùng Xuân Hưng – Phó giám đốc Công ty</i></b>		
Tạm ứng	132.780.000	
Hoàn ứng	130.765.000	

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.771.919.000	1.644.541.000
Thù lao HĐQT, BKS	259.000.000	246.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.030.919.999</b>	<b>1.890.541.000</b>

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dalat Safari	Cổ đông lớn
Tổng công ty Sông Đà	Công ty mẹ của Sông Đà 9

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, trong năm Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i></b>		
Trả cổ tức	18.207.000.000	
Thuê văn phòng	5.454.545	
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện</i></b>		
Trả cổ tức	8.702.130.000	

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.12 và V.13.

### **2. Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÂM MŨ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Số liệu so sánh

Kiểm toán nhà nước chuyên ngành 5 đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và đã ban hành Biên bản kiểm toán vào ngày 28 tháng 12 năm 2018. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán nhà nước đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Chi phí trả trước dài hạn	261	2.086.352.903	1.441.027.778	3.527.380.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.058.441.904	266.329.878	4.324.771.782
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46.040.438.821	1.174.697.900	47.215.136.721
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	99.572.006.341	(1.441.027.778)	98.130.978.563
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	41.275.154.642	1.441.027.778	42.716.182.420
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.538.714.173	266.329.878	4.805.044.051
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	36.736.440.469	1.174.697.900	37.911.138.369
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	41.275.154.642	1.441.027.778	42.716.182.420
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	98.785.125.104	1.441.027.778	100.226.152.882
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(823.182.401)	(1.441.027.778)	(2.264.210.179)

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Trần Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lệ

Giám đốc



Đỗ Văn Hà



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẠM MŨ**  
 Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 1:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC NHÀ MÁY**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm Mu	Năm Ngân	Năm An	Tổng cộng
1. Tổng doanh thu	75.784.362.097	70.767.676.840	27.362.372.548	173.914.411.485
2. Tổng chi phí	41.214.317.492	52.318.422.536	29.837.750.982	123.370.491.010
Trong đó chi phí khấu hao	3.992.674.539	20.807.565.844	9.642.852.500	34.443.092.883
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.570.044.605	18.449.254.304	(2.475.378.434)	50.543.920.475
4. Nguyên giá TSCĐ Nhà máy	197.732.292.957	325.390.160.743	186.901.372.611	710.023.826.311

Người lập biểu



Trần Ngọc Anh



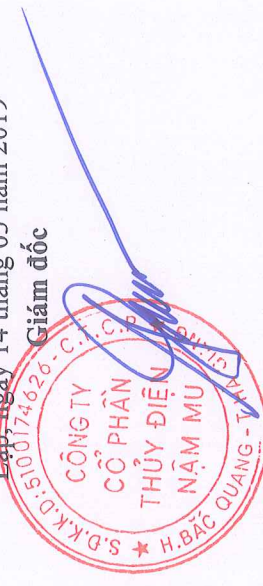
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Lệ

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Đỗ Văn Hà